

Câu 1: Hiện tại 2 nền tảng mobile nào có số lượng người dùng cao nhất?

- ✓ Android và IOS
- iOS và Window Phone
- Window Phone và Android
- Firefox OS và Symbian

Câu 2: Phần mềm nào KHÔNG phải là phần mềm cơ bản của các phiên bản Android?

- Phone
- Browser
- Home
- ✓ Dropbox

Câu 3: Hãng điện thoại nào đang là hãng sản xuất nhiều nhất điện thoại sử dụng hệ điều hành Android?

- LG
- Lenovo
- Motorola
- ✓ Samsung

Câu 4: Phiên bản Android nào có tên là Android Tiramisu?

- 1.5
- 20
- 3
- ✓ 13

Câu 5: Hệ điều hành Android được xây dựng trên nền tảng hệ điều hành nào?

- ✓ Linux
- Window
- Mac OS
- iOS

Câu 6: Phiên bản Android 10 có tên là gì?

- Android A
- Android G
- ✓ Android Q
- Kitkat

Câu 7: Các ứng dụng trên Android được viết bằng ngôn ngữ nào?

- ✓ Java hoặc Kotlin
- C#
- C++

- Python

Câu 8: Plugin nào được sử dụng với Eclipse để phát triển ứng dụng Android?

- ✓ ADT plugin
- ADF plugin
- ADU plugin
- ADG plugin

Câu 9: Thành phần nào KHÔNG phải là thư viện (library) của Android?

- SQLite
- Webkit
- OpenGL
- ✓ Oracle

Câu 10: Thành phần nào KHÔNG phải là thành phần của Application Framework?

- Content Providers
- Location Manager
- Notification Manager
- ✓ Disk Manager

Câu 11: Phần mềm nào KHÔNG phải là công cụ gỡ lỗi (debug) cho ứng dụng Android?

- Adb
- Dalvik Debug Monitor Server
- Device or Android Virtual Device
- ✓ Zend Studio

Câu 12: Thông tin nào KHÔNG được chứa trong file aab?

- Binary version của androidmanifest.xml
- Compiled resource
- các file chưa biên dịch
- ✓ java file

Câu 13: Các ứng dụng trên android được chuyển sang định dạng file gì để có thể chạy được trên máy ảo Dalvik?

- zar
- bat
- ✓ dex
- exe

Câu 14: SubActivity là gì?

- ✓ Là activity được gọi bởi activity khác.

- Là activity con.
- Là activity hiện tại đang hiển thị trên màn hình điện thoại.
- Là activity đang bị tạm dừng.

Câu 15: Khởi tạo activity bằng cách gọi hàm nào?

- activitiesStart
- activityStarting
- ✓ startActivity
- activityStart

Câu 16: Thông thường khi nhấn nút Back trên điện thoại Android, điều gì xảy ra?

- ✓ Quay lại activity trước đó.
- Quay lại activity đầu tiên.
- Quay lại màn hình chính.
- Hiển thị các ứng dụng được mở gần đây.

Câu 17: Mục đích của lớp ContentProvider là gì?

- Chơi nhạc.
- Tạo và phân phối nhạc.
- ✓ Chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng Android.
- Truy cập đến thông tin chung về môi trường ứng dụng.

Câu 18: Android manifest là file có định dạng gì?

- Java
- C#
- HTML
- ✓ XML

Câu 19: Câu nào sau đây là đúng?

- ✓ startActivity và startActivityForResult đều có thể sử dụng để bắt đầu activity mới.
- Chỉ startActivityForResult có thể được sử dụng để khởi tạo activity mới.
- Khi startActivity được sử dụng để khởi tạo activity mới từ lớp activity của bạn, lớp activity sẽ nhận thông báo khi activity mới được khởi tạo thành công.
- Khi startActivityForResult được sử dụng để khởi tạo activity mới từ lớp activity của bạn, lớp activity sẽ nhận thông báo khi activity mới được khởi tạo thành công.

Câu 20: Lớp nào sau đây là lớp cha của lớp ứng dụng chính của ứng dụng Android (lớp có giao diện người dùng)?

- AndroidApp
- ✓ Activity
- AppLet
- Application

Câu 21: Câu nào sau đây là đúng?

- ✓ Cả phương thức `startActivity` và `startSubActivity` có thể khởi tạo activity một cách đồng bộ.
- Cả phương thức `startActivity` và `startActivityForResult` có thể khởi tạo activity một cách không đồng bộ.
- `startActivity` là lời gọi không đồng bộ, nhưng `startSubActivity` là lời gọi đồng bộ.
- `startActivity` là lời gọi đồng bộ, nhưng `startSubActivity` là lời gọi không đồng bộ.

Câu 22: File nào để chứa các chuỗi ký tự trong chương trình Android?

- ✓ `strings.xml`
- `string.xml`
- `stringextra.xml`
- `stringsextra.xml`

Câu 23: File nào chứa giao diện chính của chương trình Android?

- `activity_mains.xml`
- `activites_main.xml`
- ✓ `activity_main.xml`
- `activity_mains.xml`

Câu 24: Để thay đổi biểu tượng của ứng dụng trong launcher, chúng ta phải thay đổi file nào?

- ✓ `icon.png`
- `icons.png`
- `start.png`
- `starts.png`

Câu 25: Truy vấn thông tin `ContentProvider` thông qua cái gì?

- ✓ `Content://URI`
- `Context://URI`
- `Content://URL`
- `Context://URL`

Câu 26: File nào chứa thông tin tên ứng dụng, version android tối thiểu mà ứng dụng đòi hỏi?

- `string.xml`
- ✓ `AndroidManifest.xml`
- `activity_main.xml`
- `R.java`

Câu 27: Tất cả thành phần giao diện được khởi tạo ở đâu?

- ✓ main thread
- hàm Main
- hàm khởi tạo
- hàm hủy

Câu 28: Người ta thường ánh xạ giao diện ở phương thức nào?

- ✓ onCreate
- onStart
- onDestroy
- onPause

Câu 29: Layout nào cho phép bố trí giao diện dưới dạng Tab?

- LinearLayout
- FrameLayout
- RelativeLayout
- ✓ TabLayout

Câu 30: Layout nào cho phép bố trí giao diện dưới dạng dòng và cột?

- LinearLayout
- FrameLayout
- RelativeLayout
- ✓ TableLayout

Câu 31: File layout nằm trong thư mục nào của Android Project?

- res/menu
- res/values
- ✓ res/layout
- res/drawable-hdpi

Câu 32: Mặc định mỗi dòng trong ListView là gì?

- ✓ TextView
- Button
- Spinner
- ProgressBar

Câu 33: Giá trị mặc định của thuộc tính android:layout_weight là bao nhiêu?

- ✓ 0
- 1
- 2
- 3

Câu 34: Tất cả thuộc tính trong XML Layout đều có tiền tố là gì?

- layout
- google
- Không có tiền tố
- ✓ android

Câu 35: Giá trị nào của thuộc tính android:layout_width và android:layout_height dùng để xác định View sẽ có chiều rộng và chiều cao bằng đối tượng View cha?

- ✓ match_parent
- wrap_parent
- full_parent
- wrapper_parent

Câu 36: Giá trị nào của thuộc tính android:layout_height dùng để xác định View sẽ có chiều cao vừa đủ với kích thước của nó?

- fill_parent
- ✓ wrap_content
- full_parent
- wrapper_parent

Câu 37: Thay đổi thông tin về theme của ứng dụng, chúng ta thay đổi trong file nào?

- main.xml
- activity_main.xml
- ✓ AndroidManifest.xml
- MainActivity.java

Câu 38: Hàm nào bắt buộc phải gọi trước khi gọi hàm findViewById?

- super.onCreate
- ✓ setContentView
- getMenuInflater().inflate
- startActivity

Câu 39: Thư mục res chứa các thông tin gì?

- ✓ Tài nguyên
- File mã nguồn Java
- ứng dụng
- file tĩnh

Câu 40: Phương thức nào dùng để enable hoặc disable một item trong Menu?

- onCreateOptionsMenu
- ✓ onPrepareOptionsMenu

- `onShowOptionsMenu`
- Các item trong Menu không thể disable

Câu 41: Phương thức nào được sử dụng để xử lý sự kiện khi một phím trên bàn phím được ấn?

- ✓ `setOnKeyListener`
- `setOnClickListener`
- `setOnLongClickListener`
- `setOnTouchListener`

Câu 42: Có mấy kiểu Progress Bar trong Android?

- 1
- ✓ 2
- 3
- 4

Câu 43: Option Menu có tối đa bao nhiêu item, nếu quá số item này thì sẽ có thêm nút More?

- 2
- 4
- ✓ 6
- 8

Câu 44: Phương thức nào được sử dụng để xử lý khi một item trong CheckBox được check?

- ✓ `setOnCheckedChangeListener`
- `setChecked`
- `setCheckedListener`
- `setOnCheck`

Câu 45: Phương thức nào được sử dụng để biết được người dùng thay đổi date trên điều khiển DatePicker

- `OnDateChanged`
- `OnDateChange`
- `OnDateChangedListening`
- ✓ `OnDateChangedListener`

Câu 46: Khai báo layout cho XML Menu nằm trong thư mục nào?

- ✓ `res/menu`
- `res/values`
- `res/layout`
- `res/drawable-hdpi`

Câu 47: Phương thức `setOnCreateContextMenuListener` được sử dụng để làm gì?

- ✓ Đăng ký một context menu với một View.
- Đăng ký một option menu với một View.
- Xử lý sự kiện khi một menu item của Option Menu được chọn.
- Xử lý sự kiện khi một menu item của Context Menu được chọn.

Câu 48: Làm thế nào để khi chọn một thông báo notification trên Status Bar, sẽ hiển thị một giao diện tương ứng?

- Tạo mới một Dialog.
- ✓ Tạo một Intent để khởi tạo một Activity khi notification được chọn.
- Sử dụng `Toast.makeText`.
- Không thể hiển thị một giao diện tương ứng khi chọn một thông báo notification trên Status Bar.

Câu 49: Để tạo mới một Alert Dialog, chúng ta phải sử dụng lớp nào?

- ✓ `AlertDialog.Builder`
- `AlertDialog.Building`
- `AlertDialog.Create`
- `AlertDialog.Creating`

Câu 50: Lệnh nào dùng để hiển thị một thông báo trên màn hình?

- ✓ `Toast.makeText(context, "Message", Toast.LENGTH_SHORT).show();`
- `Toast.makeText(context, "Message", Toast.LENGTH_SHORT);`
- `Toast.makeText(context, "Message");`
- `Toast.makeText("Message", Toast.LENGTH_SHORT).show();`

Câu 51: Thư mục nào để chứa layout cho giao diện khi màn hình ở chế độ landscape mode?

- `res/layout`
- ✓ `res/layout-land`
- `res/values`
- `res/menu`

Câu 52: Sử dụng hàm nào để thực hiện vẽ bất kỳ các đối tượng 2d, shape?

- `onPainting`
- `onPaint`
- `onDrawing`
- ✓ `onDraw`

Câu 53: Cơ sở dữ liệu mà Android hỗ trợ sẵn là

- Oracle

- DB2
- ✓ SQLite
- SQL Server

Câu 54: Cơ sở dữ liệu SQLite

- ✓ chỉ cần 1 file duy nhất để lưu trữ, và có thể có thêm 1 file journals để lưu tạm và rollback.
- cần 3 files để lưu trữ.
- cần 4 files để lưu trữ.
- cần nhiều files để lưu trữ.

Câu 55: Kiểu dữ liệu ngày tháng được lưu trữ trong SQLite là kiểu gì?

- Integer, Text, Real
- ✓ Date
- Text
- Real

Câu 56: Kiểu dữ liệu lưu trữ số nguyên trong SQLite là gì?

- Int
- ✓ Integer
- Real
- Number

Câu 57: Kiểu dữ liệu lưu trữ văn bản trong SQLite là gì?

- Char
- String
- ✓ Text
- Varchar

Câu 58: Lớp SQLite có bao nhiêu class hỗ trợ?

- 5
- 3
- 1
- ✓ 2

Câu 59: Câu lệnh SQL dùng để tạo bảng với khóa chính tự tăng là

- create table student(_id integer primary key increment, name text)
- create table student(_id integer primary key auto, name text)
- ✓ create table student(_id integer primary key autoincrement, name text)
- create table student(_id integer primary key, name text)

Câu 60: Hãy cho biết kết quả khi chạy đoạn lệnh sau: `String sql = "create table student(id integer primary key, name text)"; database.execSQL(sql);`

- Chương trình có lỗi khi chạy.
- ✓ Chương trình sẽ tạo ra bảng student có 2 trường id và trường name.
- Chương trình có lỗi khi biên dịch.
- Chương trình sẽ tạo ra bảng student có 3 trường.

Câu 61: Trong SQLiteOpenHelper, phương thức được gọi khi cơ sở dữ liệu được tạo ra lần đầu là

- onOpen
- ✓ onCreate
- onResume
- onUpgrade

Câu 62: Trong SQLiteOpenHelper, phương thức được gọi khi cơ sở dữ liệu được nâng cấp là

- onCreate
- onResume
- ✓ onUpgrade
- onOpen

Câu 63: Thông qua DDMS, có thể xem cơ sở dữ liệu SQLite thông qua đường dẫn:

- ✓ DDMS ® file explorer ® data ® data ® your package name ® databases.
- DDMS ® file explorer ® data ® your package name ® databases.
- DDMS ® file explorer ® data ® data ® databases.
- DDMS ® file explorer ® data ® data ® your package name ® database.

Câu 64: Trong SQLiteOpenHelper, phương thức được gọi để tạo Database

- onCreate
- ✓ Constructor
- onUpgrade
- onOpen

Câu 65: Để lưu trữ SQLite trên thẻ nhớ, quyền cần cung cấp trong Android Manifest là:

- android.permission.WRITE_SETTINGS
- android.permission.ACCESS_CHECKIN_PROPERTIES
- ✓ android.permission.WRITE_EXTERNAL_STORAGE
- android.permission.ACCESS_CHECKIN_PROPERTIES

Câu 66: Chương trình sử dụng WebView phải có quyền gì?

- ✓ android.permission.INTERNET
- android.permission.AUTHENTICATE_ACCOUNTS

- android.permission.BIND_INPUT_METHOD
- android.permission.BIND_APPWIDGET

Câu 67: Câu nào là sai đối với WebView?

- ✓ Có thể sử dụng tag trong XML layout
- Không thể sử dụng tag trong XML layout
- Click vào link sẽ gọi trình duyệt
- Không có widget cho browser activity

Câu 68: Sử dụng lớp nào để truy cập và thay đổi thông tin trên trình duyệt mặc định của hệ điều hành Android?

- WebSafariClient
- ✓ WebViewClient
- WebFirefoxClient
- WebClient

Câu 69: Sử dụng phương thức nào để lấy thông tin tiêu đề trên trang web chạy trên trình duyệt?

- onReceiveTitle
- onReceivedHeader
- ✓ onReceivedTitle
- onReceiveHeader

Câu 70: Phương thức nào của WebSettings để cho phép trang web có thể phóng to thu nhỏ

- setBuiltZoomControls
- setBuiltInControls
- setBuiltInZoom
- ✓ setBuiltInZoomControls

Câu 71: Phương thức nào của WebSettings để cho phép WebView hỗ trợ JavaScript?

- setJavaScript(true)
- setJavaScriptEnable(true)
- ✓ setJavaScriptEnabled(true)
- setJavaScriptEnabled(false)

Câu 72: Câu nào là đúng khi nói về URL và URI?

- Tất cả URI là URL
- ✓ Tất cả URL là URI nhưng không phải tất cả URI là URL
- Không phải tất cả URL là URI
- URL và URI giống y hệt nhau

Câu 73: Lớp nào có các phương thức liên quan đến đường dẫn kết nối mạng?

- ✓ URL
- URI
- Uri
- UML

Câu 74: Phương thức nào của WebView được sử dụng để chạy một URL?

- ✓ loadURL
- loadingUrl
- ✓ loadUrl
- loadUrls

Câu 75: Điều khiển nào sử dụng WebKit engine?

- Spinner
- ✓ WebView
- EditText
- Button

Câu 76: Cho đoạn mã lệnh sau: `wv.setWebChromeClient(new WebChromeClient() {
@Override public void onReceivedTitle(WebView view, String title) {
getWindow().setTitle(title); } });` Hãy cho biết đoạn lệnh trên dùng để làm gì?

- Đóng trang web.
- ✓ Thay đổi title của trang web.
- Lấy thông tin title của trang web.
- Thay đổi nội dung của trang web.

Câu 77: Các câu lệnh sau dùng để làm gì (wv là WebView)? `@Override public boolean
onKeyDown(int keyCode, KeyEvent event) { if ((keyCode ==
KeyEvent.KEYCODE_BACK) && wv.canGoBack()) { wv.goBack(); return true; } return
super.onKeyDown(keyCode, event); }`

- ✓ Quay lại trang web trước trên trình duyệt khi chọn nút Back.
- Quay lại trang chủ của trình duyệt.
- Quay lại trang web trước trên trình duyệt khi chọn nút Menu.
- Refresh trang web.

Câu 78: Khi thời gian kết nối đến một URL quá timeout, phương thức `getInputStream()` sẽ đưa ra ngoại lệ nào?

- `java.net.SocketTimeout`
- `java.net.SocketException`
- `java.net.TimeoutException`
- ✓ `java.net.SocketTimeoutException`

Câu 79: Tổ chức nào phối hợp với Google để tạo ra Android?

- Nokia
- Apple
- ✓ Open handset alliance
- Microsoft

Câu 80: Android Studio do công ty nào tạo ra?

- HTC
- Amazon
- ✓ Google
- Yahoo

Câu 81: Google đã mua lại hãng điện thoại nào để sản xuất điện thoại Android để cạnh tranh với Apple và Samsung?

- HTC
- LG
- Lenovo
- ✓ Motorola

Câu 82: Thành phần nào là thành phần của Android runtime?

- Oracle
- ✓ Dalvik Virtual Machine
- .NET
- SQL Server

Câu 83: IDE nào KHÔNG dùng để phát triển ứng dụng trên Android?

- ✓ Visual Studio
- Visual Studio code
- Android Studio
- Eclipse

Câu 84: Công nghệ máy ảo nào do Google tạo ra cho hệ điều hành Android?

- Virtual Box
- ✓ Dalvik Virtual Machine
- VMWare
- Virtual Driver

Câu 85: Trong quá trình biên dịch, android project được biên dịch và đóng gói thành file có đuôi gì?

- ✓ apk hoặc aab

- exe hoặc aaa
- dex hoặc bbb
- bat hoặc dub

Câu 86: Phương thức nào thích hợp nhất để lưu các dữ liệu quan trọng?

- Activity.onFreeze()
- ✓ Activity.onPause()
- Activity.onStop()
- Activity.onDestroy()

Câu 87: Phương thức nào là phương thức không đồng bộ?

- startingActivitiesForResult
- startingActivityForResult
- startActivitiesForResult
- ✓ startActivityForResult

Câu 88: Phương thức nào được gọi khi activity đầu tiên được tạo?

- onPause()
- onPause()
- onCreate()
- ✓ onCreate()

Câu 89: Để activity xuất hiện ở launcher, phải khai báo category trong intent_filter như thế nào?

- ✓ android.intent.category.LAUNCHER
- android.intent.category.LAUNCH
- android.intent.category.START
- android.intent.category.RESTART

Câu 90: Phương thức nào được gọi khi activity chuẩn bị biến mất?

- onDestroy()
- onDestroying()
- onPause()
- ✓ onPause()

Câu 91: File nào có chứa các thông tin Resource ID dùng để truy cập đến các tài nguyên (drawable, layout, styles, string)?

- style.java
- ✓ R.java
- Resource.java
- Resources.java

Câu 92: File nào liệt kê quyền mà ứng dụng yêu cầu?

- ✓ AndroidManifest.xml
- string.xml
- activity_main.xml
- R.java

Câu 93: Tất cả thành phần của chương trình được nhóm trong tag nào của AndroidManifest?

- permission
- user-permission
- ✓ application
- applications

Câu 94: Layout nào cho phép sắp xếp các view con ở phía trong theo chiều dọc hoặc chiều ngang?

- ✓ LinearLayout
- FrameLayout
- RelativeLayout
- TabLayout

Câu 95: Layout nào mà các thành phần con dựa trên mối quan hệ với các thành phần khác?

- LinearLayout
- FrameLayout
- ✓ RelativeLayout
- TabLayout

Câu 96: Để ràng buộc nội dung động vào View trong ListView, chúng ta sử dụng gì?

- String
- ✓ ArrayAdapter
- Button
- SeekBar

Câu 97: Trong Java, sử dụng phương thức nào để lấy thông tin về View theo Id của View?

- ✓ findViewById
- findViewByName
- searchViewById
- searchViewByName

Câu 98: Styles của giao diện được lưu trong thư mục nào?

- ✓ res/values
- res/layout
- res/drawable-hdpi
- res/drawable-ldpi

Câu 99: Thư mục nào dùng để lưu trữ code java trong project android?

- res/
- assets/
- ✓ src/
- bin/

Câu 100: Phương thức nào dùng để xử lý một item trong Menu được chọn?

- onOptionsItemSelected
- onOptionsItemSelected
- onOptionsItemSelected
- ✓ onOptionsItemSelected

Câu 101: Phương thức nào được sử dụng để xử lý khi một View được click và giữ một lúc?

- setOnClickListener
- setOnClickListener
- ✓ setOnLongClickListener
- setTouchListener

Câu 102: Câu nào sau đây là đúng?

- Option Menu và Context Menu xuất hiện khi ấn vào phím Menu trên điện thoại.
- Option Menu hỗ trợ checkbox.
- Option Menu hỗ trợ radiobutton.
- ✓ Option Menu xuất hiện khi ấn vào phím Menu, Context Menu xuất hiện khi click vào View một vài giây.

Câu 103: Lớp nào được sử dụng để khởi tạo menu từ file XML menu?

- ✓ MenuInflater
- Menu
- XmlMenu
- MenuInflating

Câu 104: Để hiển thị một thông báo trên status bar, phải sử dụng công cụ gì?

- Sử dụng Toast.
- ✓ Sử dụng Notification Manager.
- Không thể hiển thị một thông báo trên status bar.
- Sử dụng Context Menu.

Câu 105: Kiểu Progress Bar nào để hiển thị chi tiết phần trăm hoàn thành một công việc nào đó

- ✓ determinate
- indeterminate
- determining
- determination

Câu 106: Thư mục nào để chứa layout cho giao diện khi màn hình ở chế độ portrait mode?

- ✓ res/layout
- res/layout-land
- res/values
- res/menu

Câu 107: Android cung cấp class nào hỗ trợ SQLite?

- ✓ QLiteOpenHelper, SQLiteDatabase
- SQLiteDatabase
- SQLiteOpenHelper
- SQLiteOpenHelperDatabase

Câu 108: Kiểu dữ liệu có giá trị đúng sai được lưu trữ trong SQLite là kiểu gì?

- Boolean
- Number
- ✓ Integer
- Text

Câu 109: Kiểu dữ liệu lưu trữ số thực trong SQLite là gì?

- Int
- Integer
- ✓ Real
- Number

Câu 110: Hãy cho biết kết quả khi chạy đoạn lệnh sau: `String sql = "create table student(id primary key, name text)"; database.exec(sql);`

- Chương trình có lỗi khi chạy.
- Chương trình sẽ tạo ra bảng student có 3 trường.
- Chương trình sẽ tạo ra bảng student có 2 trường id và trường name.
- ✓ Chương trình có lỗi khi biên dịch.

Câu 111: Lớp trợ giúp tạo ra cơ sở dữ liệu và phiên bản cho chính nó là

- SQLiteHelper
- SQLiteCloseHelper
- SQLiteOpenHelper
- ✓ SQLiteOpenHelper

Câu 112: Trong SQLiteOpenHelper, phương thức được gọi khi thay đổi version database

- onCreate
- onResume
- ✓ onUpgrade
- onOpen

Câu 113: Trong SQLiteOpenHelper, để tạo thực thi câu lệnh SQL ta dùng phương thức nào?

- ✓ execSQL()
- runSQL()
- execSQLite()
- runSQLite()

Câu 114: Điều khiển được sử dụng để hiển thị nội dung trang web trong ứng dụng Android?

- EditText
- ✓ WebView
- Button
- Spinner

Câu 115: Sử dụng lớp nào để truy cập và thay đổi thông tin trên trình duyệt Chrome?

- WebSafariClient
- WebClient
- WebFirefoxClient
- ✓ WebChromeClient

Câu 116: Để thay đổi thông tin về trình duyệt, sử dụng lớp nào?

- ✓ WebSettings
- WebSetting
- WebSettingUp
- WebSetUp

Câu 117: Để tải thông tin qua HTTP, chúng ta phải làm gì?

- ✓ Sử dụng thư viện chuẩn của Java
- Không thể tải thông tin qua HTTP
- Sử dụng HttpGet
- Sử dụng URLRequesting

Câu 118: Đối với URLConnection, sử dụng phương thức nào để thiết lập timeout cho connection?

- setTimeout()
- setInternetTimeout()
- setURLTimeout()
- ✓ setConnectTimeout()

Câu 119: Phương thức getOutputStream() của URLConnection dùng để làm gì?

- ✓ Cho phép ghi thông tin vào HTTP connection
- Thiết lập timeout cho connection
- Mở một trang web
- Quay lại trang web trước

Câu 120: Đối với URLConnection, để mở kết nối tới một URL, sử dụng phương thức gì?

- openConnect
- ✓ openConnection
- openStream
- openLiveStream